

Số: /KH-UBND

Chợ Mới, ngày tháng 3 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số xã Chợ Mới giai đoạn 2026 - 2030, năm 2026

Thực hiện Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 04/02/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về triển khai thực hiện Đề án phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030, năm 2026 (sau đây viết tắt là Kế hoạch số 35/KH-UBND); Kế hoạch số 74-KH/ĐU ngày 15/01/2026 của Đảng ủy xã Chợ Mới về thực hiện phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã Chợ Mới năm 2026 (sau đây viết tắt là Kế hoạch số 74-KH/ĐU); UBND xã Chợ Mới ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số xã Chợ Mới giai đoạn 2026 - 2030, năm 2026 trên địa bàn xã như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa đầy đủ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo các nghị quyết, kết luận của Trung ương, của tỉnh, Kế hoạch số 35-KH-UBND, Kế hoạch số 74-KH/ĐU đảm bảo đồng bộ, thống nhất, theo hướng 5 rõ “Rõ việc, rõ người, rõ trách nhiệm, rõ kết quả, rõ thời gian”.

- Nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương trong phát triển hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn xã; phát huy hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời huy động sự tham gia, vào cuộc của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các đoàn thể và nhân dân xã Chợ Mới.

- Gắn mục tiêu phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa xã trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội.

2. Yêu cầu

- Các chỉ tiêu, nhiệm vụ phải gắn với thời hạn thực hiện; phân bổ nguồn lực phù hợp với từng nhiệm vụ, tránh đầu tư dàn trải, lãng phí; phù hợp với đặc thù của xã, hướng đến mục tiêu phát triển đồng bộ giữa hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số và hạ tầng tri thức; đồng thời thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, bảo đảm người dân là trung tâm, doanh nghiệp là động lực, cán bộ - công chức là then chốt

trong quá trình triển khai.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải nhận thức rõ trách nhiệm, nắm vững nhiệm vụ, trực tiếp quán xuyến, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về tiến độ, kết quả; đưa kết quả thực hiện vào tiêu chí đánh giá, thi đua, khen thưởng và xử lý trách nhiệm khi để xảy ra tình trạng chậm trễ.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá tiến độ và hiệu quả triển khai của các cơ quan, đơn vị để kịp thời xem xét chỉ đạo, giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đảm bảo hiệu quả triển khai theo tiến độ yêu cầu.

II. MỤC TIÊU

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. Các phòng, ban đơn vị căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch này tổ chức thực hiện đảm bảo bám sát định hướng, chủ trương, nghị quyết của Trung ương, Kế hoạch số 35/KH-UBND, Kế hoạch số 74-KH/ĐU và Kế hoạch chuyển đổi số của UBND xã, đồng thời phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu, thực tiễn của xã. Ưu tiên việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo, thành tựu khoa học công nghệ, các giải pháp sáng kiến trong hoạt động quản lý, điều hành và thực hiện nhiệm vụ.

1.2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trước UBND xã, Chủ tịch UBND xã. Kết quả thực hiện là một trong những tiêu chí đánh giá, thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương.

1.3. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng; đẩy mạnh công tác học tập, quán triệt các chủ trương, định hướng, mục tiêu, quan điểm chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trong đó trọng tâm là Nghị quyết số 57-NQ/TW.

1.4. Tăng cường chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính; tinh gọn bộ máy, vận hành có hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp; đẩy mạnh phát triển các ứng dụng, nền tảng, sản phẩm số cụ thể phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

1.5. Phát huy vai trò điều phối liên ngành của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 xã; giao trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị theo mô hình “địa chỉ - thời hạn - sản phẩm - giám sát”.

1.6. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đưa các mục tiêu, nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa

phương.

2. Xây dựng cơ chế, chính sách

2.1. Chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung để ban hành chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số, khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ số, tháo gỡ các điểm nghẽn, các rào cản về thể chế, cơ chế chính sách và nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển mang tính đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2.2. Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị trong tổ chức thực hiện; phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, quyết liệt hành động để sớm biến tiềm năng, lợi thế của xã thành hiện thực, góp phần phát triển nhanh và bền vững.

2.3. Triển khai cơ chế, chính sách ưu đãi đặc thù cho cán bộ chuyên trách làm công tác công nghệ thông tin, chuyển đổi số, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội. Ưu tiên nguồn lực để bảo đảm các điều kiện thiết yếu cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tập trung vào phát triển nhân lực chất lượng cao.

2.4. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp, tổ chức hoạt động về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Rà soát, đề xuất cắt giảm các thủ tục hành chính không cần thiết. Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính.

3. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

3.1. Khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, chú trọng phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp địa phương. Tập trung thực hiện hiệu quả chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số; nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; đặc biệt đối với các hợp tác xã nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ trong sản xuất nông, lâm nghiệp và xây dựng thương hiệu sản phẩm; xây dựng mô hình sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản theo VietGAP, GlobalGAP; sản xuất nông nghiệp hữu cơ để tạo ra sản phẩm hàng hoá có chất lượng cao.

3.2. Ứng dụng khoa học công nghệ trong xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp chứng nhận hữu cơ gắn tem truy xuất nguồn gốc (*có đầy đủ thông tin về quy trình sản xuất, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm trên môi trường số*); xây dựng chuỗi cung ứng thông minh cho các sản phẩm OCOP (*tối ưu hóa chi phí, chất lượng, truy xuất nguồn gốc*).

3.3. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm có lợi thế, tiềm năng của xã.

3.4. Tăng cường hỗ trợ đăng ký, bảo hộ, quản lý và khai thác hiệu quả tài sản trí tuệ, nhất là các sản phẩm đặc sản, sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể gắn với vùng nguyên liệu, địa danh và giá trị văn hóa bản địa.

3.5. Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo gắn với phát triển tài sản trí tuệ; khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp khai thác, thương mại hoá sáng chế, giải pháp hữu ích nhằm gia tăng giá trị, phát triển thương hiệu và nâng cao năng lực cạnh tranh.

3.6. Phối hợp với cấp trên tổ chức triển khai hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng góp phần nâng cao năng lực bảo đảm đo lường, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa trên thị trường.

4. Phát triển hạ tầng số

4.1. Xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng số của xã giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm đồng bộ, khả thi, hiện đại, an toàn, an ninh và có tính dự phòng cao; tạo nền tảng thúc đẩy chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

4.2. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông mở rộng vùng phủ sóng băng thông rộng (4G, 5G, *cáp quang*) đến các khu vực miền núi, khu vực có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống và khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bảo đảm người dân được tiếp cận hạ tầng số cơ bản. Nâng cấp, mở rộng đường truyền tốc độ cao cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, trường học, cơ sở y tế bảo đảm phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ số thiết yếu cho người dân và doanh nghiệp.

4.3. Đưa các hoạt động của cơ quan Đảng, Nhà nước lên môi trường mạng hướng tới hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến dựa trên dữ liệu.

4.4. Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai; thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững.

5. Triển khai các nền tảng số, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu

5.1. Triển khai hiệu quả, đồng bộ hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo hướng dẫn của bộ, ngành trung ương; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số; triển khai cung cấp thông tin, dữ liệu kịp thời cho người dân, doanh nghiệp thông qua hệ thống cổng, trang thông tin điện tử, cổng dữ liệu mở.

5.2. Thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích dữ liệu, tổng hợp thông tin, hỗ trợ công tác dự báo, xây dựng báo cáo và ra quyết định trong các cơ quan Đảng, chính quyền góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả chỉ đạo, điều hành và quản lý nhà nước.

5.3. Tổ chức tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu chuyên ngành như: Dân cư, đất đai, doanh nghiệp,... trên nền tảng số dùng chung của tỉnh; bảo đảm kết nối với hệ thống Trung ương, tích hợp công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ phân tích, dự báo, hỗ trợ ra quyết định. Hạn chế tình trạng trùng lặp, phân tán dữ liệu; nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và quản lý nhà nước.

6. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

6.1. Tăng cường bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức; tiếp tục tuyên truyền, tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn trực tuyến về công nghệ thông tin, an toàn thông tin, kỹ năng số,... trên nền tảng “Bình dân học vụ số” cho cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, người dân, doanh nghiệp.

6.2. Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng về mục đích, ý nghĩa của Phong trào “Bình dân học vụ số” nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về chuyển đổi số và công tác phổ cập kỹ năng số cho người dân trong quá trình chuyển đổi số của tỉnh và tiến trình chuyển đổi số quốc gia.

6.3. Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan nhà nước; đẩy mạnh phổ cập kỹ năng số cho học sinh, người lao động trong các doanh nghiệp, người dân trong học tập, nghiên cứu, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ thiết yếu khác.

6.4. Duy trì, nâng cao vai trò hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trong công tác hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp ở địa phương; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cho Tổ công nghệ số cộng đồng.

7. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

7.1. Xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách có trình độ cao để thực hiện nhiệm vụ giám sát, cảnh báo sớm và ứng cứu sự cố an ninh mạng.

7.2. Thực hiện các giải pháp bảo vệ bí mật nhà nước, bảo mật, xác thực của Ban Cơ yếu Chính phủ cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có thông tin, dữ liệu bí mật nhà nước; sử dụng thiết bị lưu trữ bảo mật, các giải pháp mã hoá và bảo vệ quyền truy cập, bảo đảm an toàn việc trao đổi thông tin, gửi, nhận, lưu trữ, xử lý tài liệu bí mật nhà nước trên môi trường số.

7.3. Định kỳ hằng năm thực hiện bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng máy tính, các trang thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm ứng dụng, thực hiện rà soát, kiểm tra an ninh, an toàn thông tin các trang thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm trước khi đưa vào sử dụng; thực hiện tiêu hủy các thiết bị lưu trữ dữ liệu điện tử khi hỏng hoặc không còn nhu cầu sử dụng.

8. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết quốc tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

8.1. Tranh thủ sự hỗ trợ của các Bộ, ngành Trung ương để thu hút nguồn lực phát triển tri trường công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tăng cường liên kết giữa các ngành, địa phương trong chuyển giao, nhân rộng các mô hình đổi mới sáng tạo.

8.2. Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế, tích cực giao lưu, trao đổi thông tin, học tập kinh nghiệm và thu hút nguồn lực quốc tế. Ưu tiên hợp tác quốc tế các ngành, lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ xanh, công nghệ số.

8.3. Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào tỉnh, phù hợp với điều kiện, định hướng phát triển của tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06

Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo trong việc triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch này và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nắm bắt tiến độ, kết quả thực hiện, kịp thời chỉ đạo xử lý các vấn đề trọng tâm, nổi cộm phát sinh trong quá trình triển khai. Chỉ đạo việc điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp khi có biến động; đồng thời thực hiện kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các tập thể, cá nhân vi phạm hoặc trì trệ trong quá trình thực hiện Kế hoạch; trực tiếp chỉ đạo công tác khen thưởng, biểu dương các điển hình tiên tiến và xử lý các sai phạm nếu có, nhằm đảm bảo việc triển khai đạt hiệu quả thiết thực, góp phần thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

Kịp thời chỉ đạo, định hướng chính sách, giải pháp thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số khi có khó khăn, vướng mắc.

Tổ chức sơ kết, tổng kết: hướng dẫn, tổng hợp, đánh giá kết quả 6 tháng, 01 năm, sơ kết giữa giai đoạn và tổng kết thực hiện kế hoạch, báo cáo cơ quan cấp trên khi có yêu cầu.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội

Thực hiện nhiệm vụ đầu mối chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra tiến độ, hiệu quả triển khai các nhiệm vụ được giao tại kế hoạch của các cơ quan, đơn vị; chủ động tham mưu, đề xuất UBND xã lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ để hoàn thành các chỉ tiêu theo quy định; rà soát, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện tại các cơ quan, đơn vị để chủ động phối hợp hỗ trợ xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định; định kỳ hằng quý, 06 tháng, 01 năm hoặc đột xuất (*khi có yêu cầu*) báo cáo Ban Chỉ đạo và UBND xã tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch. Đồng thời, thường xuyên rà soát, báo cáo, cập nhật đầy đủ thông tin, dữ liệu, tiến độ và kết quả thực hiện các nhiệm vụ của xã trên Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo chỉ đạo của Trung ương.

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, báo cáo UBND xã rà soát, đánh giá, tổ chức triển khai nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị đã đề xuất tại Phụ lục II của kế hoạch đảm bảo phù hợp, hiệu quả, đúng quy định hiện hành.

Thường xuyên theo dõi, đôn đốc và định kỳ hằng tháng báo cáo UBND xã và cơ quan cấp trên về tiến độ thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp xã theo quy định.

Đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tiến độ, kết quả thực hiện kế hoạch báo cáo UBND xã theo quy định.

3. Phòng Kinh tế

Trên cơ sở đề xuất kinh phí triển khai thực hiện nội dung kế hoạch, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách hiện hành và đảm bảo phù hợp theo quy định của Pháp luật.

Chủ trì tham mưu triển khai các nội dung của Đề án liên quan đến phát triển kinh tế số, ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất nông, lâm nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

Phối hợp hướng dẫn các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất, kinh doanh ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc, thanh toán không dùng tiền mặt, từng bước hình thành chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm.

Phối hợp triển khai các mô hình ứng dụng khoa học - công nghệ gắn với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng của địa phương.

4. Trung tâm Phục vụ hành chính công xã

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo thẩm quyền. Tham mưu phát triển chính quyền điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng trong hoạt động của UBND xã.

Hướng dẫn, hỗ trợ người dân, tổ chức sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số của cơ quan nhà nước.

5. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã

Phối hợp tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại cơ sở.

Tích cực ứng dụng công nghệ số trong hoạt động thông tin, truyền thông ở cơ sở.

Quản lý, vận hành hệ thống truyền thanh thông minh kết nối hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh.

6. Các trường học trên địa bàn xã

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và các nội dung của kế hoạch, chủ

động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, bảo đảm gắn với nhiệm vụ chuyên môn và điều kiện thực tế của đơn vị, địa phương.

Tăng cường giáo dục kỹ năng số, an toàn thông tin cho giáo viên, học sinh, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý nhà trường, từng bước hình thành môi trường giáo dục số tại cơ sở.

7. Công an xã

Chủ trì, phối hợp triển khai hiệu quả Đề án 06 của Chính phủ; đơn đốc, hướng dẫn người dân đăng ký, kích hoạt và sử dụng tài khoản định danh điện tử (VNeID), góp phần thúc đẩy sử dụng các dịch vụ công trực tuyến và tiện ích số phục vụ người dân.

Hướng dẫn triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn. Tăng cường công tác bảo vệ dữ liệu cá nhân; đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao nhận thức, chủ động phòng ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng, nhất là các hành vi lừa đảo sử dụng công nghệ cao.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

Chỉ đạo các tổ chức thành viên phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động thành viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

9. Tổ công nghệ số cộng đồng

Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn xã, bảo đảm hoạt động thiết thực, hiệu quả, gắn với nhu cầu thực tế của người dân; Thực hiện công tác tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ người dân trong việc tiếp cận, sử dụng các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và các ứng dụng số phục vụ đời sống, sản xuất, kinh doanh.

Tăng cường bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số cho thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng; đồng thời phát huy vai trò của Tổ trong việc nắm bắt khó khăn, vướng mắc của người dân để kịp thời phản ánh, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả chuyển đổi số tại cơ sở.

10. Các ông (bà) Trưởng thôn

Tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện Kế hoạch tại khu dân cư. Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng các thôn.

Vận động Nhân dân tham gia ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong đời sống, sản xuất.

9. Chế độ báo cáo

Các cơ quan, đơn vị chuyên môn thuộc UBND xã, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện hằng quý, 6 tháng, báo cáo năm và gửi báo cáo về UBND xã (*qua Phòng Văn hóa - Xã hội*) để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

VII. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Có chi tiết Danh sách nhiệm vụ chuyển đổi số đăng ký tại Phụ lục II kèm theo).

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số xã Chợ Mới giai đoạn 2026 - 2030, năm 2026. Yêu cầu Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo phù hợp, hiệu quả. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo UBND xã (*qua Phòng Văn hóa - Xã hội*) để xem xét, phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- LĐ UBND xã;
- TT UB MTTQVN xã;
- Ban chỉ đạo CDS, Đề án 6;
- Các phòng chuyên môn, cơ quan đơn vị;
- Các Tổ công nghệ số cộng đồng;
- Trang thông tin điện tử (Đăng tải);
- Lưu: VT, VHXX, huonght.

CHỦ TỊCH

Trần Mạnh Cường

DANH MỤC CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ

(Kèm theo Kế hoạch /KH-UBND ngày /3/2026 của Ủy ban nhân dân xã Chợ Mới)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Tổ chức, cá nhân chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Phát triển hạ tầng			
1.	Cán bộ cấp xã có máy tính đáp ứng cấu hình tối thiểu và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử.	%	100	Phòng VHXXH
2	Tỉ lệ phủ sóng 5G	%	80	Phòng VHXXH
II	Phát triển nguồn lực			
1.	Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	%	90	Phòng VHXXH
2.	Cán bộ, công chức sử dụng thành thạo chữ ký số, các hệ thống giải quyết công việc	%	100	Phòng VHXXH
III	Phát triển khoa học, công nghệ			
IV	Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo			
V	Phát triển chuyển đổi số			
1.	Thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến	%	100	Trung tâm Phục vụ Hành chính công
2.	Giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	%	70	
3.	Hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	95	
4.	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	100	
5.	Hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	%	100	
6.	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	
7.	Duy trì tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	≥98	
8.	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Tổ chức, cá nhân chủ trì theo dõi, đánh giá
VI	<i>Về an toàn thông tin, an ninh mạng</i>			
1	Hệ thống thông tin đảm bảo ATTT cấp độ 2 và kiểm tra, đánh giá thường xuyên; triển khai các giải pháp đảm bảo ATTT, ANM	%	100	Trung tâm Phục vụ Hành chính công

DANH MỤC NHIỆM VỤ CẤP XÃ NĂM 2026*(Kèm theo Kế hoạch /KH-UBND ngày / 3 /2026 của Ủy ban nhân dân xã Chợ Mới)*

STT	Tên nhiệm vụ	Người đứng đầu chịu trách nhiệm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Thời gian thực hiện
1.	Rà soát, nâng cấp và bảo đảm điều kiện tối thiểu phục vụ chuyển đổi số: (1) Đường truyền và kết nối mạng ổn định, chữ ký số cá nhân; (2) Trang bị máy tính cấu hình tối thiểu và thiết bị làm việc thiết yếu; (3) Bố trí cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp với khối lượng công việc	Chủ tịch UBND xã	Phòng Văn hoá - Xã hội	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hoàn thành các nhiệm vụ (1), (2), (3) bảo đảm đáp ứng yêu cầu	Quý II năm 2026
2.	Tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức, tổ công nghệ số cộng đồng về ứng dụng công nghệ số, kỹ năng số	Chủ tịch UBND xã	Phòng Văn hoá - Xã hội	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Cán bộ, công chức, viên chức, tổ công nghệ số cộng đồng được tập huấn về ứng dụng công nghệ số, kỹ năng số	Quý II năm 2026
3.	Triển khai các biện pháp đảm An toàn thông tin, an ninh mạng	Chủ tịch UBND xã	TT phục vụ Hành chính công (nhiệm vụ gắn liền với vị trí chuyên trách CNTT)	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Triển khai các biện pháp đảm An toàn thông tin, an ninh mạng đối với hệ thống thông tin thuộc UBND xã	Cả năm 2026